

## GIẢI THÍCH PHẨM TRÌ

Có bản nói Khuyến Trì, nghĩa phải đều còn, tùy đề đều được không so sánh từ đầu, cho nên văn chia làm hai đoạn: Nếu muốn ở đây lập tứ Tất-đàn thì, hai giải thích tợ Thế giới, Hai vạn tợ Vị nhân, Tám mươi tợ Đối trị, ý Phật tợ Đệ nhất nghĩa. Cho nên ý Phật nói song song chỉ hai đoạn. Trong Ni thỉnh ký nên khai văn đây làm bốn: hai phần trước Ni đều có thỉnh và ký. Phần ba Các Ni lãnh giải. Phần bốn Các Ni phát thệ. Kinh nói “di mẫu”: Bản Hạnh Tập nói: Thích chủng Thiện Giác sinh tám người con gái. Lúc bấy giờ bốn anh em Tịnh Phạn vương mỗi người thâu nạp hai người nữ. Tịnh Phạn vương phi, tức Ma-da và Ái Đạo. Ma-da sinh xong bảy ngày sau thì mạng chung sinh lên cõi Đạo-lợi. Ái Đạo là dì cho nên nói “di mẫu”.

Tiếp, hỏi đáp: Trong đáp nói vì dẫn ban đầu hành và khai An lạc hạnh: Ban đầu hành, thấy các đại đức còn không thể ở cõi này hoàng kinh, huống chi chúng con ư? Vì vậy cho nên cần phẩm An Lạc Hạnh tiếp theo sau làm pháp tắc ban đầu hành. Lễ nào được hạ phượng chưa xuất mà dự nói dừng xuất sở hành? Nếu như vậy thì đầu phẩm, Văn-thù lễ ra hỏi Bồ-tát Dũng xuất, đương hành hạnh gì, mà chỉ nói ở đời ác sau... ư! Bỗng nghe “dừng xuất” thời chúng lễ ra hỏi dừng xuất là ai?!

Tiếp kệ tụng: Là cô khởi kệ, nói “các Bồ-tát... thỉnh hộ trợ hoàng kinh”, tức là tự thuật phương pháp hoàng kinh. Vì bởi Đức Phật trong phẩm Pháp Sư đã nói phương pháp xong. Phẩm Kiến Bảo Tháp chiêu mộ tìm người dùng phương pháp. Phẩm Đề-Bà-Đạt-Đa dẫn xưa dùng phương pháp. Thích-ca tức là bảm thọ phương pháp nhiều cho nên nói “dùng thân làm sàng tòa...”. Phẩm Trì tức nói phương pháp ở đời ác. An lạc hạnh là phương pháp bắt đầu hành, nên nói trú Nhẫn nhục địa v.v..., đầy đủ như phẩm sau nói. Nếu không như vậy thì hoàng kinh không có phép tắc, không có phép tắc hoàng kinh đây không có việc ấy. Như thân trần vào trận ất bị tổn thương không sai. Nói “mặc áo giáp” tương ưng nghĩa không uổng lập. Mười bảy hàng đầu nói mặc áo nhẫn nhục có ba:

- 1) Một hàng tổng luận thời tiết để nêu rõ mặc áo.
- 2) “Có những...”: chín hàng biệt nêu cảnh sở nhẫn.
- 3) “Chúng con...”: bảy hàng nêu ý mặc áo.

Phần một như văn. Phần hai văn có ba: Một hàng đầu nêu chung người tà, tức chúng thế tục. Tiếp một hàng nêu hạng tăng thượng mạn trong đạo môn. Bảy hàng sau nêu tăng thượng mạn giả Thánh. Cho nên,

trong ba loại người đây thì: thứ nhất đáng nhẽ, thứ hai nặng hơn trước, thứ ba quá sâu, vì càng về sau càng khó nhận thức. Văn thứ nhất và thứ hai như văn, trong văn thứ ba nói: “Kinh Bảo Vân quyển sáu nói A-lan-nhã...”: thì e rằng lầm, vì văn ở quyển thứ năm. Trước giải thích danh: “A” là “vô”, “Lan-nhã” gọi là “tránh”(tranh cãi). Trong văn nói sự, có sự cho nên tranh cãi. Nay y kinh, trước thì nêu chánh hạnh, tiếp mới biện rõ tà. Đầu văn nói “trú A-lan-nhã”, là không cùng thế gian tránh luận, “không gần không xa” là để tiện việc khát thực, có bóng cây che, có nhiều hoa quả đầy đủ nước sạch, không nạn sự không hiểm trở dễ bước lên, một mình không có bạn tụng sở văn... Có vua Đại thần trưởng giả... đến tìm đến, liền nói rằng: “Hay thay! Hay thay!”. Nếu đến trú xứ thì nên mời ngồi, nếu họ không ngồi thì chớ tự ngồi một mình. Nếu không vì chỗ ngồi xấu, thì nên dùng mọi thứ an ủi và vì họ nói pháp, nếu họ không ưa nói rộng thì nên nói lược... Nếu không như vậy thì chẳng phải hạnh Lan nhã. Phạm ở Lan-nhã là vì điều phục phiền não. Tự đề cao mình, chê bai người, thì chẳng phải hành Vô tránh, chưa biết ý chấp tay cung kính là gì! Khinh, ngông thầy bạn, ngạo mạn vương thần, huống khiến cho người không biết cho là Thánh, khiến người có mắt thì trong tâm lạnh giá, thì hạnh La-vân vĩnh viễn sai trái, đức của Không sinh ở đâu? Chỉ do tâm không có nội thật, chuyên đem thân mưu tính việc hư dối bên ngoài, luận thuận đạo kia, không có gì để nói! Xét như Tân-đầu-lô biết bảy năm mất nước, và Trù Thiên sư tiến hay không làm vua, cho nên khởi ở hợp thời đâu được nhất hướng. Luận Thập trụ Bà-sa nêu rõ Lan-nhã Tỳ-kheo cho đến đủ năm mươi pháp mới kham dừng trú, cho đến mười hai hạnh Đầu-đà đều đủ mười pháp. Nếu không như vậy thì hãy tìm thầy tấn đạo, tại sao cứ chấp giữ cái ngu? “Không phép tắc thích ứng”: xuất gia lìa thế gian, cắt bỏ ái, mộ đạo, nên dùng Ngũ phần làm phép tắc chánh. Còn trái phép tắc Tiểu thừa, mà trở lại khinh nơi Đại giáo, thì càng rất tệ hại. Nếu dùng danh đây mà quân bình nơi Đại, thì Viên thừa tam học, hai giải thoát đáng để làm khuôn phép cho mình, mới ứng hợp với phép tắc xuất gia chốn Lan-nhã. “Tuy nói... được nuôi sống...”: nghĩa là chấp lấy lời nói mà chẳng siêng thực hạnh, chuyên tư duy tự nuôi sống mình. Hạng người như đây, gọi là Tương tự tam học, Giả vờ tam học, Tặc tam học, Ngụy trá tam học. Mà muốn khinh người thông kinh, cho nên khiến người hoằng kinh phải mặc áo nhũn nhục chuyên hoằng chánh pháp. Người có giới, thêm đủ tam học mới gọi là tăng giới. Giữ một giới mà không hành để mặc, thì biết là giới giảm. Giới mà còn không hành, thì sao hành định tuệ? Vậy nên

phải “đối trước Ngũ phần” mà xem xét.

Tiếp nêu ý mặc áo. Văn dẫn “Trung A-hàm quyển năm nói Hắc Xỉ Tỳ-kheo mách với Đức Phật”, căn cứ trong đó, bao gồm ý thứ ba. Nêu “Người có năm hạng” trở xuống, văn tương ứng. Kinh kia Xá-lợi-tử tương ứng phẩm. Kinh Thủy Dụ nói: Đức Phật tại vườn Cấp Cô Độc, Xá-lợi-tử bảo các Tỳ-kheo: Ta nói ngũ âm nào có năm duyên, thế nào gọi là năm? Tức dùng năm dụ, ví như nơi ba nghiệp, lại kiểm chứng lần trải qua thứ năm. “Người có năm hạng”: Chỉ là ba nghiệp. Đơn thiện làm ba câu, đều thiện làm một câu, đều ác làm một câu. Nếu lại lấy song thiện làm ba câu, tức thành tám câu. Ác biên nhất định không có đơn và song, vì đơn thiện, tức là song ác, song thiện tức là đơn ác, cho nên không được có câu ác biên. Trong kinh không làm thêm ba câu còn lại, hoặc nêu năm biết tám, hoặc là tùy cơ. Có trong văn, đầu tiên nói: “Thân ác, khẩu ý thiện” thì e rằng lầm. Căn cứ trong hợp dụ chỉ có đơn thiện. Chỉ nên nói “thân thiện khẩu ý ác, khẩu thiện thân ý ác, ý thiện thân khẩu ác”. Cho nên thí dụ đầu tiên nói: “Nạp y...”: Đây là thân thiện khẩu ý bất thiện, để hợp văn nói “niệm dụng thân tịnh, bỏ khẩu ý”.

Trong khẩu thiện thí dụ: mang cỏ tránh nóng là thân tương bất thiện, bụm nước không tương xứng là ý bất thiện. Nước đến được miệng, tạm gọi là thiện. Văn nói hoặc bụm nước, hoặc dùng tay, chỉ là tay bụm nước mà thôi! Tuy thân khẩu đều xấu, chỉ vì làm ngưng khát cho nên gọi là ý thiện. Nếu muốn dụ ba cặp thiện thì căn cứ đơn tư duy. Thí dụ ba đều là thiện: Áo đã rộng mát vào thì thân thiện, không bụm nước là khẩu thiện, ngưng khát là ý thiện. “Luận Bà-sa quyển tám nói: Nghĩ đến mắng là một lời nói...”

Luận Tạp Kiền-độ quyển thứ mười, trong phẩm Trí hỏi: Khi hành bị mắng, làm sao quan sát danh cú thân... khiến tâm nhuế chẳng sinh?

Đáp: Hoặc có người nói: A-câu-lô-xa nước Tần gọi là “mạ”, Câu-lô-xa, Tần gọi là hóan thanh. Ta nay không nên niệm chữ A kia, nếu có chữ A thì gọi là “mạ (mắng)”, nếu không có chữ A tức gọi là hóan thanh. Phải biết Tây phương có tam hợp thanh, A cùng Câu-lô-xa hợp mới thành danh cú, mới gọi là “mạ”. Phương này là hèn mọn thấp kém, phương kia lại là xưng tán, theo lệ đây rất nhiều. Như nói Thi-la Sần-đề đối với phương này chưa gọi là đoan chánh, phương kia chính là Ba-la-mật thứ hai. Lại, quán chữ mạ đây...: Phương đây cũng có nói đảo ngược tức trở thành mắng mà khen, như thấy khách đi bảo là “đi sớm”, tức là muốn giữ lại. Nếu nói “sớm đi” tức phát lời khiến đi, phát đó là

“mạ”, lưu giữ là khen. Như đang lúc ăn gặp khách, nếu nói “đến sớm” tức là “mạ”. Nếu nói “sớm đến” tức là khen. Người đời chấp lẫn định có trước sau cùng làm nghĩa mắng, khen. Vọng tình chấp chứa tiếng nói vốn không. Lại, “mạ là một chút ít phần của giới...”: tức là ý tư quanh co, hạnh uẩn, pháp xứ, một phần ít thuộc giới pháp. Đây mượn văn luận Bà-sa. Làm cảnh sở quán, bèn dùng bốn câu ba giả quán đó. Dùng thanh đối căn, thức và Không, suy tìm nghĩa không có tự tánh, thành tự tánh tướng, mới gọi “tức Không”. Lại, “mạ” đã là thanh, thanh giới có tám có chấp thọ không chấp thọ, đại chúng làm nhân, đều có tên hữu tình tên phi hữu tình, khả ý và bất khả ý. Trong thân hữu tình phát ra âm thanh, gọi là có chấp thọ, vì ngữ thanh của chúng sinh có thuyên biểu, các tiếng vỗ tay v.v... không phải thuyên biểu nên tiếng gió, rừng, sông... gọi là chấp thọ. Tên hữu tình với nghĩa không chấp thọ, tức như tiếng nói của hóa nhân, tuy không chấp thọ mà có năng thuyên biểu, ngoài ra theo lệ tư duy có thể biết. Nay đây tiếng mắng (mạ) đã là có chấp thọ tên hữu tình là tiếng không vừa ý, chỉ là một trong tám thứ, nhưng do chấp kia từ đầu đến cuối mà thành danh cú. Nếu nói thanh giới là mạ thì phải tám thứ mới gọi là mạ. Nay còn không có bảy sao gọi là mạ! Huống lại trong một thì niệm niệm không dừng. Một phần ít thanh nhập, phần ít sắc ấm, phần ít mạ v.v... tức quán ngã đã là cảnh sở mạ. Hoặc khi mạ sắc tức không mạ tâm, khi mạ tâm tức không mạ sắc. Hình hiển thọ..., căn cứ đây có thể biết. “Thành tự tự nơi người ấy...”: người ấy tự khuấy động thanh để thành danh cú mà cho là mạ. Ta quán nhân duyên niệm niệm không trụ, đây quán nhân duyên vậy. “Lại, mạ là một chữ...”: quán tương tục. “Lại, năng mạ...”: đối suy tìm tướng đối đãi. “Dùng Không”: tức Thông giáo. Cho nên biết nhờ luận Bà-sa hiển cảnh nhân duyên, mỗi mỗi suy tìm tiện thành tức Không. Lời nói lược ý rộng, đầy đủ như Chỉ Quán trong nhập Không Vô sinh quán đã nói. “Quyển mười bảy nói: Phạm Thánh đều có ba loại thọ”, e rằng vẫn lầm. Văn ở quyển thứ mười, vẫn nói cũng có lo sợ, là qua ở đời khác và do Thánh giả tức có sợ cho nên liền đủ ba thọ. Cũng nói năm thọ: năm thọ tức ưu - hỷ - khổ - lạc - xả. Lại có năm thọ toàn là ba thọ. Nghĩa là chưa đắc lạc thọ, đã đắc lạc thọ, đã sinh khổ thọ, chưa sinh khổ thọ; không khổ không lạc thọ. Chỉ vì Thánh nhân không dùng tâm thọ nên có phạm Thánh sai biệt cũng là mượn luận Bà-sa kia phân biệt. Tứ Thánh là Thánh, lục phạm là phạm, mười giới không đồng để thành nghĩa sai biệt. Nay “Kính này...”: tức Viên giáo. “Niệm Phật”: Quán thọ làm pháp giới cho nên gọi là “niệm Pháp, Phật...”. Do năng quán biệt được tên các giáo, sở

quán năm thọ tướng kia không sai biệt cho nên người trì kinh nên quán ba thọ. Vì thế nói năng thọ các ác hạnh... Khải là áo giáp vậy.

